

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Tập 394**

**Chủ giảng: Pháp Sư Tịnh Không**

**Chuyển ngữ: Nguyễn Thanh**

**Biên tập: Nguyễn Tâm**

**Giảng ngày: 4.5.2011**

**Địa Điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_Hong Kong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin an tọa. Mời quý vị xem "Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải" trang 489, chúng ta bắt đầu xem từ hàng thứ hai:

“Đường Hải Đông Nguyên Hiểu sư u Du Tâm An Lạc Đạo viết: Vô Lượng Thọ Kinh, thuyết tâm bồi nhân. Thượng bồi chỉ trung thuyết hữu ngũ câu. Nhất giả xã gia ly dục nhi tác sa môn, thử hiển phát khởi chánh nhân phương tiện. Nhị giả phát bồ đề tâm, thị minh chánh nhân”. Buổi học trước chúng ta học đến chỗ này. Chúng ta xem tiếp dưới đây:

“Tam giả chuyên tâm niệm bỉ Phật, thị minh tu quán”. “Quán” này tức là niệm, thông thường chúng ta nói là quan niệm, quan niệm của phàm phu lục đạo chúng ta đã sai. Thấy sai, niệm cũng sai, trong quan niệm đều không biết được thật tướng của các pháp, không hiểu được chân tướng của tất cả các pháp. Quan niệm sai lầm đầu tiên, là chấp trước thân này là ta, từ chỗ sai này nên sai đến cuối cùng, tất cả đều sai.

Ở trong kinh luận, đâu đâu Phật cũng dạy chúng ta, thân này không phải là ta, tu hành phải bắt đầu từ sự phá chấp. Nếu thật sự hiểu được thân này không phải là ta, cũng chính là thật sự hiểu được thân này không phải là ta, thì chúng ta sẽ không vì thân này mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, để chiêu cảm khổ báo trong địa ngục tam đồ, thật là oan uổng. Chúng ta không thể trách người khác, mà là trách quan niệm sai lầm của chúng ta, cho nên phải sửa đổi quan niệm này lại. Phải tin lời Phật dạy là đúng, nhất định không được hoài nghi Phật Bồ Tát, hoài nghi kinh điển, hoài nghi là chúng ta đã sai lầm rất lớn.

Nhưng chúng ta xem thử thế gian này, xem thử chúng sanh trong lục đạo, ai không chấp trước thân này là ta? Tất cả đều chấp trước như vậy. Bây giờ chúng ta đã biết hoàn toàn sai, nếu họ sửa đổi lại quan niệm này, thì họ không ở trong lục đạo, thì họ đã vượt thoát lục đạo. Sở dĩ rơi vào trong lục đạo, là do sự sai lầm này, điều này chúng ta không thể không biết, không được không biết được.

Thân là gì? thân là sở hữu của ta, ví như nói là của ta, là sở hữu của ta, không phải là ta. Như áo quần, mọi người đều biết áo quần không phải là ta, áo quần là của ta, áo quần của ta, áo quần không phải là ta. Thân này có sanh tử, quý vị phải biết, ta

không có sanh tử, cái gì gọi là ta? Rất nhiều người cho rằng linh hồn là ta, linh hồn không chết, thân chết rồi, nhưng linh hồn vẫn còn.

Quý vị thử xem trong quyển sách này viết, Khởi Tát Quân Đoàn Đông Chánh Trung Quốc Chi Mê, đây là một quân đội cổ La Mã, rất hùng mạnh, có hơn 10 vạn người, tất cả đều chết ở Trung Quốc. 2 ngàn 1 trăm năm trước, linh hồn của họ bây giờ vẫn còn rất vất vưởng, đã nhập vào một phụ nữ ở Cam Túc, họ đem câu chuyện 2 ngàn 1 trăm năm trước, kể ra rất rõ ràng, rất rành mạch, họ không chết. Hiện tại bản thân họ đã biết sai rồi, thật sự sai rồi, họ chịu quá nhiều khổ nạn, làm du hồn trong quỷ đạo, tức là cô hồn dã quỷ, không có nơi nương tựa, lưu lạc khắp nơi, không có gì để ăn. Trong bộ sách này viết rất hay, cuối cùng gặp được một vị Bồ Tát đến giúp đỡ họ, chúng tôi nghĩ rằng vị Bồ Tát này chắc là hóa thân của Bồ Tát Quan Thế Âm. Bây giờ nhóm quý này đều học Phật, nghe nói một số người được vãng sanh về thế giới Cực Lạc, họ niệm Phật, biết được pháp môn Tịnh Độ, biết được Phật A Di Đà.

Linh hồn có phải là ta chăng? Trong kinh Phật dạy rằng, linh hồn là một cái ta điên đảo mê hoặc, không thể nói nó không phải là ta, nhưng nó bị mê hoặc, nó không có trí huệ. Có trí huệ thì sẽ không mê hoặc, thì sẽ không đầu thai vào trong lục đạo, rồi làm chuyện oan oan tương báo, không làm những chuyện ngu ngốc như vậy. Trong Phật pháp nói linh tánh là ta. Linh hồn đã giác ngộ, thì không gọi là linh hồn nữa, mà gọi là linh tánh, linh tánh là ta, linh tánh bất sanh bất diệt.

Đại sư Huệ Năng minh tâm kiến tánh, tánh đó hình dạng như thế nào? Ngài trình với hòa thượng Hoằng Nhẫn rằng, thứ nhất, tánh là thanh tịnh, xưa nay không nhiễm ô, vĩnh viễn không ô nhiễm.

Hôm nay chúng ta nói nhiễm ô, ở sau kinh Phật có chữ “nhiễm ô ý”, tức là nói A lại da, Mạt na, ý thức đều có nhiễm ô, linh tánh không nhiễm ô. Linh tánh là chân tâm, là cái ta chân thật. A lại da là giả, là vọng tâm, là cái ta giả chứ không phải cái ta chân thật, cho nên quan niệm này rất quan trọng.

Bây giờ chúng ta phải trở về với chánh niệm, tìm ra cái ta chân thật, phải dùng phương pháp gì? phương pháp của Tịnh tông vô cùng màu nhiệm, là chuyên niệm Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là ai? Trong kinh nói, ở thế giới Tây phương có một đấng Phật, gọi là Phật A Di Đà. Có phải là thật chăng? Là thật, chắc chắn không phải là giả. Nếu từ trên lý mà nói, từ tự tánh mà nói, thì Phật A Di Đà chính là ta, ta chính là Phật A Di Đà. Câu danh hiệu Phật A Di Đà này hoàn toàn là tiếng Phạn\_ tiếng Ấn Độ. Nếu dịch thành tiếng Trung Quốc, thì quý vị đã hiểu rõ rồi, A dịch là vô, Di Đà dịch là lượng, Phật dịch là giác, hoàn toàn chiếu theo chữ Trung Quốc để dịch, danh hiệu này nghĩa là Vô Lượng Giác, Vô Lượng Giác là gì? Vô Lượng Giác là tự tánh.

Trong kinh Pháp Hoa Thế Tôn dạy chúng ta rằng: Hết thầy chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, đó là Vô Lượng Giác. Nói cách khác, tất cả thông hiệu của chư Phật, danh hiệu chung của chư Phật gọi là Phật A Di Đà. Không có đức Phật nào không phải là Phật A Di Đà, là Vô Lượng Giác! Chúng ta cũng là Vô Lượng Giác, hiện tại chúng ta bị mê mờ, chúng ta là Phật A Di Đà mê hoặc điên đảo. Ở thế giới Tây phương Cực Lạc là Phật A Di Đà giác ngộ, là một không phải là hai, chúng sanh và Phật không hai, tánh tướng nhất thể, đây là nói thật với quý vị, không chút giả dối. Cho nên bản thân chúng ta phải hiểu rõ, mình phải trân quý, hy vọng trong đời này bỏ vọng về chân, trong đời này của chúng ta nhất định phải phát tâm làm Phật.

Ở trước bản kinh nói về A Xà Vương tử, quý vị thấy rất dễ thương. Nhóm người trẻ tuổi của A Xà vương tử, nghe Phật nói về thế giới Tây phương Cực Lạc, giới thiệu về Phật A Di Đà, họ liền phát tâm, mỗi người đều phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, đến thế giới Cực lạc thành Phật, giống như Phật A Di Đà không khác. Khởi tâm động niệm của nhóm thanh niên này chưa nói thành lời, Phật Thích Ca Mâu Ni đã biết rồi, Ngài có tha tâm thông nên biết, Phật khen ngợi họ, thọ ký cho họ.

Hôm nay ở đây chúng ta phát tâm, Phật A Di Đà đã biết, Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cũng biết, Ngài cũng thọ ký cho chúng ta. Bản thân chúng ta mê hoặc điên đảo, trong vọng tâm đầy dẫy vọng tưởng phân biệt chấp trước, cho nên tuy Phật tán thán chúng ta, thọ ký cho chúng ta, nhưng chúng ta cũng không cảm nhận được. Chúng ta biết Phật nhất định tán thán, nhất định thọ ký cho chúng ta, điều này chúng ta không nên hoài nghi. Chỉ là nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, nên không cảm nhận được mà thôi. Cho nên tu quán là chân tu, tu hành chân thật.

“Tứ giả tác chư công đức, thị chư khởi hành. Thử quán cập hành tức vi trợ nghiệp”, đây là lời của sư Nguyên Hiếu. “Tác chư công đức”, phạm là việc tốt thì nên làm, việc gì gọi là tốt? Là việc lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh nhất định phải nghĩ đến, hiện tiền chúng sanh được lợi ích, tương lai cũng được lợi ích, kiếp sau cũng được lợi ích, đây gọi là lợi ích chân thật.

Nếu như chỉ lợi trước mắt, nhưng kiếp sau không được lợi ích, thì đó là lợi ích không chân thật. Ví dụ hôm nay quý vị được giàu có, đó là kiếp này, quý vị được mấy trăm ức, mấy ngàn ức, bây giờ có thể hưởng thụ, nhưng chết rồi một đồng cũng không mang theo được, nói không chừng kiếp sau còn phải đọa lạc. Hiện tại được lợi ích, nhưng kiếp sau không được lợi ích, thì đó là giả, không phải lợi ích chân thật.

Chư Phật Bồ Tát cho chúng sanh lợi ích, các Ngài không phải cho quý vị lợi ích trong kiếp này, trên thực tế là thật sự cho quý vị lợi ích. Nhục thân của đời này có thể ăn no mặc ấm, sống qua ngày tháng là được rồi, quý vị còn muốn nhiều thêm nữa để làm gì? Không cần nhiều. Đời này phải quan tâm đến lợi ích lớn cho đời sau kiếp sau, giúp quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Ở thế giới Cực Lạc

một kiếp thì thành Phật viên mãn, đây là lợi ích rốt ráo viên mãn, điều này cần phải biết.

Trong kiếp này, tuy cuộc sống có chút khổ, Phật thường dạy chúng ta “lấy khổ làm thầy”, vì sao? Bởi cuộc sống có khổ, thì quý vị mới không lưu luyến gì ở thế gian này. Nếu như cuộc sống quá sung sướng, thì quý vị sẽ lưu luyến chôn này, không muốn đến thế giới Cực Lạc, vậy là quý vị sai rồi. Cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni làm gương cho chúng ta, Ngài buông bỏ tất cả cuộc sống vật chất. Tất cả tài sản của Phật Thích Ca Mâu Ni đều ở trên thân, có bao nhiêu thứ? 3 y một bình bát, đó là toàn bộ tài sản của Ngài, trừ những thứ này ra Ngài không có gì cả.

Ăn thì đi khát thực, tối ngủ dưới gốc cây, không phải sống một hai ngày, một năm hai năm, không phải như vậy, Ngài sống suốt cuộc đời như vậy. Từ lúc 19 tuổi rời khỏi gia đình đi xuất gia, Ngài đều sống cuộc sống như vậy, 79 tuổi viên tịch, làm một tấm gương tốt nhất cho chúng ta, không có gì cả.

Vậy ngài làm các công đức, ngài làm công đức gì? Ngày ngày giảng kinh dạy học chính là Ngài làm công đức, giúp tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, công đức rất lớn! Mục đích là gì? mục đích là giúp chúng sanh thoát khổ được vui. Khổ do đâu mà có? là từ mê hoặc điên đảo mà có. Vui từ đâu mà có? vui là từ giác ngộ chân chánh mà có. Giúp chúng sanh thoát khổ được vui, đó là dạy học, mục đích dạy học là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, đây gọi là Phật sự. Trong kinh Phật nói Phật sự, thì đây gọi là Phật sự, việc mà Phật làm. Sự nghiệp của Phật, chính là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, điều này quý vị cần phải biết.

“Nguyên Hiểu sư dĩ niệm Phật vi trợ nghiệp”, quán, hành đều thuộc về trợ nghiệp. “Thử thuyết vị uân”, tức là không thỏa đáng. “Tiền dĩ ư minh tổng chương biện chi”, chỗ này không cần nói nhiều nữa. Các bậc đại đức ngày xưa, như đại sư Liên Trì nói, niệm Phật là chánh nhân, chánh trợ song tu, đây là chánh tu. Còn trợ tu thì sao? Trợ tu cũng là niệm Phật, chánh trợ đều là niệm Phật. Phân biệt chánh và trợ như thế nào? Chánh là định khóa, khóa là thời khóa tụng sáng và tối, khóa là định cho mỗi ngày, quy định chúng ta nhất định phải niệm bao nhiêu biến, đây là định khóa. Ngoài định khóa ra, thì bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào đều niệm Phật. Nếu có việc phải suy nghĩ, thì quý vị dừng niệm Phật để xử lý công việc; xử lý công việc rồi thì niệm Phật tiếp, đây gọi là tán khóa, tức là trợ niệm. Chánh và trợ đều là niệm Phật, mới gọi là nhất hướng chuyên niệm. Chữ nhất này là nhất tâm chuyên niệm, cũng có thể nói là một phương hướng chuyên niệm.

Cuộc đời của tôi đi con đường này là thế giới Tây Phương Cực Lạc, mục tiêu của tôi là thân cận Phật A Di Đà, ngoài điều này ra tôi hoàn toàn buông bỏ. Không còn phân biệt, không còn chấp trước nữa, điều này là đúng. Trong kiếp này người này nhất định được vãng sanh, chẳng có ai không vãng sanh.

Điều cuối cùng là, “ngũ giả nguyện sanh bỉ quốc”, tất cả có năm điều, điều cuối cùng này là nguyện, bốn điều trước là hạnh. “Hạnh nguyện hòa hợp, nãi đắc sanh cố”, thì chắc chắn được vãng sanh. Sư Nguyên Hiếu nói rất hay, Nguyên Hiếu là người triều đại nhà Đường, Hải Đông là Hàn Quốc bây giờ, lúc đó sư đến Trung Quốc du học và thân gần đại sư Thiện Đạo.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây: “Thượng”, thượng là nói ở trên, đoạn ở trên. “Khởi Tín Luận”, Khởi Tín luận là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, không phải Đại Thừa Khởi Tín Luận, là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, do Bành Tế Thanh trước tác: “Dĩ xuất gia vi Tịnh Độ chánh nhân”, đây là trong Khởi Tín Luận này nói: “Nguyên Hiếu sư dĩ xuất gia vi hiển phát chánh nhân chi phương tiện”.

Hai loại kiến giải có đại thể tương đồng. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói “hậu thuyết giáo uẩn”. Thuyết của Sư Nguyên Hiếu hình như thỏa đáng hơn một chút, nói càng hay hơn, lấy việc xuất gia làm phương tiện hiển phát chánh nhân. “Nhược kiêm cứu Quán Kinh”, chúng ta tham khảo Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Trong Quán Kinh, thượng tam phẩm không nói xuất gia, thượng phẩm trung sanh có tu hành các giới. Trong trung phẩm trung sanh có nói, nếu trì giới Sa Di một ngày một đêm, nếu trì giới cụ túc một ngày một đêm. Cái Kinh chính là Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong chín phẩm, duy có hai phẩm này đích thực chỉ xuất gia. Có văn tự này, ngoài ra trong trong bảy không nói đến xuất gia.

Cho nên cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, sư Nguyên Hiếu lấy việc xuất gia làm hiển phát phương tiện chánh nhân, ông nói câu này rất thỏa đáng. “Đã bỏ kinh phản chi”. Trong Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh nói hoàn toàn trái ngược, vì sao? Quán Kinh có chín phẩm, ba phẩm trước là thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, tương đương với thượng bối trong Vô Lượng Thọ Kinh nói. Thượng bối của Vô Lượng Thọ Kinh là nói đến xuất gia, ba phẩm trên của Quán kinh không nói đến xuất gia, trung bối mới nói đến xuất gia. Trung bối thì sao? bốn kinh của chúng ta, “trung bối tắc vị bất năng hành tác sa môn”, tức là không xuất gia. Cho nên trong Vô Lượng Thọ kinh nói, và trong Quán kinh nói không giống nhau.

Phía dưới là giải thích, Cơ duyên chúng sanh vô cùng khác nhau, nhân địa tu hành cũng vạn lần sai biệt, chúng ta thường nói là thiên sai vạn biệt. Người người sai khác, mỗi một bất đồng, “khái quát nhi thô phân bối phẩm, lược hiển vị thứ”. Điều này nhất định phải hiểu, Phật chỉ nói khái quát chung chung, không nói rõ, nói sơ lược vị thứ. Trộm nghĩ, chữ trộm này là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ kiêm tốn, tức là tôi nghĩ “tùy bệnh cho thuốc, tùy cơ thuyết pháp”.

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, Ngài giảng kinh dạy học cũng có đối tượng, Quán Kinh là lấy phu nhân Vi Đề Hi làm đối tượng. Giảng Vô Lượng Thọ kinh thì khác, đây là trong đại hội có 1 vạn 2 ngàn đại tỳ kheo, 5 trăm tỳ kheo ni, nhân

duyên hoàn toàn khác với trường hợp trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Phật tùy cơ nói pháp, căn cơ của thính chúng không giống nhau, nên Phật nói pháp khác nhau. Giống như bác sĩ chữa bệnh, họ bị bệnh gì thì cho thuốc đó.

“Cố vị khả câu ư nhất cách, tử ư câu hạ”, chúng ta hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa của Phật thuyết pháp. Trong bài kệ khai kinh nói rất hay “nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”. Tập khí của người phàm phu rất nặng, phải nghiên cứu, phải truy cứu từ gốc đến ngọn, thái độ này có chính xác chăng? không thể nói là không chính xác, cũng không thể nói hoàn toàn chính xác. Vì sao vậy? Chấp trước quá đáng thì biến thành chướng ngại, câu trả trái lại dễ dàng khai ngộ.

Gia Cát Lượng đọc sách, không cầu hiểu rõ, chỉ xem đại ý của nó, đây là phương pháp đọc sách của ông ta. Có người khi đọc sách nhất định phải truy tìm nguồn gốc, phải hiểu rõ ràng, minh bạch, họ có thật sự hiểu rõ không? Vấn đề rất lớn. Đến một giai đoạn tự cho là đã hiểu rõ ràng, minh bạch, thì họ không thể tiến lên phía trước được. Nếu như tiến lên phía trước, thì thật sự tất cả pháp sâu xa vô lượng.

Bất cứ một pháp nào, thật sự biết học, thiện học, là phải đặc định, là phải khai mở trí huệ, đây gọi là thiện học. Chấp trước cứng nhắc sẽ chướng ngại cho sự đặc định, phân biệt cũng chướng ngại cho sự đặc định, buông bỏ được phân biệt chấp trước thì rất dễ dàng nhập định. Trong định cảnh giới hiện tiền, tốt, bởi vì đó là cảnh giới hiện lượng, quý vị đích thân thấy được, quý vị đích thân tiếp xúc được, chẳng có pháp nào không thông hiểu thấu triệt.

Người xưa cầu học chú trọng ở sự khai ngộ, người nay cầu học chú trọng ở chỗ học rộng biết nhiều, đi con đường không giống nhau. Người xưa có trí huệ, người nay có kiến thức, có tri thức, có tri thức nhưng không có trí huệ. Người xưa có trí huệ, trong trí huệ có tri thức, trong tri thức không có trí huệ, vì sao? Bởi tâm của trí huệ là thanh tịnh, tâm của tri thức là trôi nổi, là nóng nảy, không giống nhau. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, không để lại di chứng, tri thức giải quyết vấn đề để lại một đại đội di chứng, rất đáng sợ.

Ngày xưa, người làm sự nghiệp lớn, tâm thanh tịnh, trí huệ quyết đoán, cho nên xử lý công việc rất tốt, rất thỏa đáng. Bây giờ không có, cho nên xã hội lộn xộn, việc gì cũng làm không tốt. Nghĩ thì rất tốt, rốt cuộc khi làm ra thì biến dạng, biến chất; trí huệ xử lý vĩnh viễn không biến đổi, đây là sự khác biệt giữa trí huệ và tri thức. Cho nên chúng ta học Phật phải học trí huệ, nhất định phải đạt định huệ, nhân giới đạt định, nhân định khai huệ. Giới là quy củ, giữ quy củ, không được bậy bạ, không được ý kiến khác người, tuân thủ người xưa, biện pháp xưa của Phật Bồ Tát. Biện pháp xưa này, thập phương tam thế nhất thiết chư Phật đều dùng phương pháp này để thành tựu, để đạt định khai huệ.

Hôm nay chúng ta nghĩ một phương pháp mới, không cần phương pháp cũ nữa, thử nghiệm phương pháp mới, thử nghiệm 1 trăm lần, 1 ngàn lần cũng có khuyết điểm. Như vậy chúng ta mới thật sự nghĩ đến người xưa rất giỏi, phương pháp của người xưa truyền cả ngàn năm, truyền vạn năm, vĩnh viễn không thay đổi, vĩnh viễn không có khuyết điểm. Quý vị không tuân thủ phương pháp của họ thì quý vị sẽ phát sanh khuyết điểm. Vì sao? Bởi phương pháp của người xưa là từ trong tự tánh phát ra, phương pháp của người xưa là trí huệ chân thật.

Như bộ kinh này của chúng ta nói ba điều chân thật, điều này rất tuyệt vời. Chân thật rốt ráo là nói về bốn tánh chân như, bộ kinh này là từ bốn tánh chân như phát ra, lại trở về bốn tánh chân như. Chân thật trí huệ, chân thật lợi ích, đây là ba loại chân thật. Nếu quý vị không tin, quý vị muốn ý kiến khác người, muốn nghĩ đến một phương pháp khác, nhưng nghĩ không ra, không có năng lực này. Nghĩ ra được cho rằng là phương pháp hay, và cứ theo vậy mà làm, khiến xảy ra điều tệ hại, xảy ra vấn đề, điều này quý vị không thể không biết.

Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, vẫn là người xưa đúng, điều này chẳng thể không khâm phục. Phương pháp xưa, ngàn năm vạn đời xã hội an định, nhân dân hạnh phúc, không có khuyết điểm. Những bậc cổ thánh tiên Hiền, người sanh thiên thì sanh thiên, người học Phật thì thành Phật, họ không ở trong ba đường ác.

“Thiết kế Vô Lượng Thọ hội thượng”, “thiết” là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ khiêm tốn, tức là chúng ta tính xem trên pháp hội Vô Lượng Thọ: “A Nan đương cơ, tịnh hữu đại tỳ kheo vạn nhị thiên nhân, tỳ kheo ni ngũ bách nhân, như thị xuất gia đại đức, giai ưng thượng bối vãng sanh”. Không sai chút nào, khi Phật Thích Ca Mâu Ni nhìn xuống những người nghe giảng kinh, Ngài khẳng định họ đều là thượng bối vãng sanh, thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Bản kinh này là đệ nhất kinh của Tịnh độ, điều này các đại đức xưa nay cùng khẳng định, Tịnh tông đệ nhất kinh.

“Sở thị nữi chánh tông điển phạm”, là điển hình mô phạm. “Xuất gia tu hành đắc thượng bối vãng sanh, nữi hợp thường tình”, đây là điều xứng đáng, khẳng định họ là thượng bối vãng sanh. “Phật cố khế thử nhân duyên, nhi thuyết thượng bối sanh giả, xuất gia khí dục, nhi tác sa môn”, cho nên Phật có câu nói này.

Đối với Quán Kinh, không giống với kinh này, “tắc đại dị ư thị”. Hoàn toàn không tương đồng với duyên của Vô Lượng Thọ kinh. Thỉnh chúng, Phật nói Vô Lượng Thọ kinh, quý vị xem thỉnh chúng: tỳ kheo xuất gia có 1 vạn 2 ngàn người, tỳ kheo ni 5 trăm người, pháp hội này rất thù thắng, rất trang nghiêm, có nhiều người xuất gia cùng ở một nơi như vậy.

Nhân duyên của Quán Kinh là phu nhân Vi Đề Hi, bà mang theo một tốp cung nữ của mình, là người tại gia. Phu nhân Vi Đề Hi gặp nạn, con trai bất hiếu phát khởi chính biến, muốn lật đổ chình quyền của cha để làm quốc vương, ông ta làm chính biến. Cho nên vị quốc vương này là cha, Vi Đề Hi là mẹ, gặp phải biến cố gia đình như vậy, khổ không kể xiết, ở trong trạng huống này bà cầu Phật Thích Ca Mâu Ni cứu bà. Lúc bấy giờ bên cạnh Phật chỉ có A Nan và Mục Kiền Liên, hai cánh tay đắc lực của Phật.

“Thích phạm chư thiên, hư không vũ hoa”, những vị thần hộ pháp tại không trung nhìn thấy phu nhân Vi Đề Hi cầu pháp, Thế Tôn khai thị cho bà, nên hoan hỷ rải hoa cúng dường. “Hội trung A Nan, Mục Liên vi đại quyền thị hiện chi tỳ kheo, chúng ta biết rằng, A nan và Mục Kiền Liên là đại Bồ Tát tái sanh. Mục Kiền Liên đã thành Phật từ kiếp lâu xa, lên thuyền từ trở lại độ sanh. Ngài ở trong hội Đức Thích Ca hóa độ chúng sanh thị hiện làm đệ tử, biểu hiện là thần thông đệ nhất. Còn A Nan là biểu hiện đa văn đệ nhất, cho nên họ đã thị hiện.

“Dư vô xuất gia chi chúng. Ư thử hội thượng đương cơ văn pháp tịnh thượng bôi vãng sanh giả, chủ yếu thị Vi Đề Hi phu nhân đẳng tại gia nhân”. Ở đây nói rất rõ ràng, Phật Thích Ca Mâu Ni tùy cơ thuyết pháp, tình hình của pháp hội Vô Lượng và pháp hội Quán Kinh hoàn toàn không giống nhau “Cố Phật ưng kỳ cơ duyên, ư thượng phẩm sanh trung giai vị ngôn xuất gia”. Không có người xuất gia, phu nhân Vi Đề Hi và các thị nữ, dẫn theo một số cung nữ, đều là những người tại gia, không có người xuất gia, cho nên không nói đến người xuất gia.

“Hựu Quán Kinh viết: Vi Đề Hi phu nhân dữ ngũ bách thị nữ”, đây là nói về số lượng người. Lúc nói Quán Kinh, thỉnh chúng là phu nhân Vi Đề Hi dẫn theo 5 trăm cung nữ. “Văn Phật sở thuyết”, phu nhân và những cung nữ này nghe Phật thuyết pháp, “ưng thời tức kiến Cực Lạc thế giới quảng trường chi tướng”, tức là nhìn thấy thế giới Cực Lạc quảng đại trang nghiêm. “Đắc kiến Phật thân”, thấy được hiện thân của Phật A Di Đà, “cập nhị Bồ Tát”, nhị Bồ Tát là Quan Âm, Thế Chí. Tâm sanh hoan hỷ, khen là việc chưa từng có, hoát nhiên đại ngộ, đãi vô sanh nhẫn. “Đãi” tức là đạt được, điều này quá tuyệt vời, đạt được vô sanh nhẫn. Đây là nói phu nhân Vi Đề Hi đạt được vô sanh nhẫn. Thông thường đạt được vô sanh nhẫn là thất địa Bồ Tát.

Trong Nhân Vương kinh nói, Nhân Vương kinh nói về 5 loại nhẫn, vô sanh nhẫn là Bồ Tát địa vị cao đạt đến, Bồ Tát thất địa là hạ phẩm vô sanh nhẫn, Bồ Tát bát địa là trung phẩm, Bồ Tát cửu địa là thượng phẩm, họ đạt được vô sanh nhẫn. Lên trên nữa gọi là tịch diệt nhẫn, thập địa Bồ Tát là hạ phẩm tịch diệt nhẫn, Đẳng Giác Bồ Tát là trung phẩm tịch diệt nhẫn, Diệu Giác quả vị là Phật quả, đã thành Phật, thật sự đã thành Phật, thượng phẩm tịch diệt nhẫn, thanh tịnh tịch diệt. Cho nên vô sanh nhẫn là đại Bồ Tát, phu nhân Vi Đề Hi đã chứng được. 500 thị nữ đi theo bà, thiện căn, phước



đức, nhân duyên của họ không bằng phu nhân Vi Đề Hi. Như vậy cho thấy rằng, phu nhân Vi Đề Hi cũng là Bồ Tát tái sanh, không phải là phàm phu.

“Ngũ bách thị nữ, phát a nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, nguyện sanh bỉ quốc”. Đây là nói 5 trăm thị nữ thấy Phật nghe pháp, phát vô thượng bồ đề tâm, nguyện sanh thế giới Cực Lạc. “Thế Tôn tất ký”, tất ký, ký là thọ ký cho họ, thọ ký cho 5 trăm thị nữ này, “giai đương vãng sanh”, Phật nói với họ rằng, tương lai các người đều được vãng sanh.

“Sanh bỉ quốc dĩ, hoạch đắc chư Phật hiện tiền tam muội, vô lượng chư thiên, phát vô thượng đạo tâm”. Sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, quý vị sẽ đạt được hiện tiền tam muội của chư Phật Bồ Tát, câu này là nói chung chung, vì sao? 500 người này căn tánh của họ không giống nhau, cho nên đắc tam muội cũng không giống nhau. Nhưng tất cả đều đắc tam muội, tam muội sâu cạn sai biệt không đồng.

Lúc bấy giờ vô lượng chư thiên, tức là chư thiên lúc trước rải hoa cúng dường. Chư thiên này nhìn thấy trạng huống như vậy cũng phát vô thượng đạo tâm, tâm vô thượng đạo là tâm bồ đề, họ cũng phát bồ đề tâm. Có thể thấy, trong hội Quán Kinh, chúng đương cơ đều là căn khí đại thừa. Thế Tôn giảng hội Quán Vô Lượng Phật kinh này, những thính chúng có duyên, 500 thị nữ đều là căn khí đại thừa, vì sao? Nghe đến pháp đại thừa họ tin được, hiểu được, hoan hỷ tiếp thọ, phát nguyện vãng sanh, đây là thuần căn khí đại thừa.

“Hựu giai thị tại gia phát tâm”, họ là những người không xuất gia, người xuất gia chỉ có Phật Thích Ca Mâu Ni và hai vị thị giả là A Nan và Mục Kiền Liên, ngoài hai vị này ra thính chúng đều là người tại gia, tại gia phát tâm. “Như thị chư nhân, định khả thượng bối vãng sanh”, chư nhân tức là không phải chỉ một mình phu nhân Vi Đề Hi, mà tất cả đều là thượng bối vãng sanh. Thượng bối vãng sanh có ba bậc, là thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, và thượng phẩm hạ sanh, họ đều ở trong ba phẩm này, ba phẩm trên.

“Thả Vi Đề Hi phu nhân ngộ vô sanh pháp nhãn ư hiện thế, tất thị thượng phẩm thượng sanh Cực Lạc Phật độ”, lúc đó bà nghe rồi liền ngộ vô sanh pháp nhãn, như thế nào gọi là vô sanh pháp nhãn? Trước nói chữ nhãn, chữ nhãn ở đây là nói khẳng định, đồng ý lời Phật dạy tất cả pháp là bất sanh bất diệt, tức là vô sanh. Tất cả pháp vô sanh, vô sanh tức vô diệt, nhất thiết pháp bất sanh bất diệt, họ có thể thừa nhận, có thể tiếp thọ, không chút hoài nghi, đây gọi là vô sanh nhãn. Cảnh giới này trong thiên tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Đại sư Huệ Năng khai ngộ là cảnh giới này, ở trong hội của ngũ tổ đắc vô sanh pháp nhãn. Cho nên Ngài nói “nào ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, đây chính là vô sanh pháp nhãn, y bát của ngũ tổ lập tức truyền lại cho Ngài, trở thành vị tổ đời thứ 6.

Cho nên phu nhân Vi Đề Hi ngay hiện đời, hiện tiền ngộ vô sanh pháp nhãn, đây không phải đến thế giới Cực Lạc, nghe Phật thuyết pháp bà liền đạt được. Cảnh giới hoàn toàn tương đồng với đại sư Huệ Năng nghe pháp ở ngũ tổ, bà vãng sanh thế giới Cực Lạc chắc chắn là thượng phẩm thượng sanh.

Vi Đề Hy và các phụ nữ tại gia, ngay đời này chứng vô sanh nhãn, thượng phẩm vãng sanh, đủ để chứng thượng bói vãng sanh, không giới hạn ở chúng xuất gia. Ý nghĩa này đã giảng thông rồi, đã nói rõ ràng minh bạch rồi. Lại hiện rõ diệu pháp của Tịnh độ tông, là phá trừ tất cả những quy củ, đều chứng được cứu cánh viên mãn, thật không thể nghĩ bàn. Tịnh tông vi diệu là ở chỗ này, nó không giống với 8 vạn 4 ngàn pháp môn khác, quy cách của 8 vạn 4 ngàn pháp môn đó không tương đồng với Tịnh tông, Tịnh tông xác thực chí cực viên đốn, chí viên cực đốn, bất khả tư nghì.

“Hựu Báo Ân luận trung viết: Lưu Di Dân tam độ kiến Phật, y phú thủ ma, tự đương thượng phẩm, phi xuất gia dã”. Đây là vào thời đại Đông Tấn thân cận sơ tổ Huệ Viễn. Ở Trung Quốc, thời Đông Tấn đại sư Huệ Viễn kiến lập niệm Phật Đường sớm nhất ở Lô Sơn- niệm Phật đường Đông Lâm. Đây là đạo tràng đầu tiên của Tịnh độ tông ở Trung Quốc, bây giờ gọi là Đông Lâm tự.

Lưu Di Dân là một thành viên trong niệm Phật đường, cư sĩ tại gia, trong đó có xuất gia, có tại gia, 123 người, ở đây tu niệm Phật. Họ rất lợi hại, khi đã bước vào niệm Phật đường này là không muốn ra nữa, muốn ở đây vãng sanh.

Bên ngoài niệm Phật đường có một con suối nhỏ gọi là suối Hồ, dùng suối Hồ làm ranh giới, người chỉ được ở trong ranh giới, không ra ngoài ranh giới, mọi người đều phát tín tâm, quyết một lòng ở đây niệm Phật. Lúc bấy giờ chỉ có một bộ kinh Vô Lượng Thọ. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, A Di Đà kinh, chúng ta biết khi đó đã đến Trung Quốc rồi, nhưng chưa được dịch sang tiếng Trung, là tiếng Phạn, chưa được dịch ra. Cho nên Lô Sơn Đông Lâm Liên Xã chỉ có một bộ kinh, tức là Vô Lượng Thọ kinh.

Vô Lượng Thọ kinh được phiên dịch sớm nhất, thời đại hậu Hán đã được phiên dịch rồi, do ngài An Thế Cao dịch, nhưng quyển này đã thất truyền, trong mục lục của Tạng kinh có, nhưng quyển này không còn nữa. Lưu Di Dân ở trong niệm Phật Đường niệm Phật, ba lần thấy được Phật A Di Đà, y phục của Phật A Di Đà, Ngài khoác y cà sa, dùng y cà sa trùm lên ông ta, trùm lên thân thể của Lưu Di Dân, tay của Phật A Di Đà xoa đầu ông ta, cảm ứng không thể nghĩ bàn. Ba lần thấy Phật, y trùm tay xoa, ông ta vãng sanh đương nhiên là thượng phẩm vãng sanh, không dám nói thượng phẩm thượng sanh, chắc chắn tại thượng bói, thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh, khẳng định ông ta là thượng bói, không phải người xuất gia, ông ta là tại gia.

“Nhi phàm Liên tông chư tổ, cập Duy Ma, Hiền Hộ đẳng, nhất thiết sào tố danh đức chi vãng sanh giả, khả liệt tri hĩ”. Đây là nói tổng quát, phàm là các vị tổ sư của Tịnh Độ tông, những vị tổ sư này là được mọi người công nhận. Tịnh Độ tông không có truyền pháp, các tông phái khác đều có truyền pháp, đời này truyền đến đời khác, có quyền pháp, chứng thư truyền lại, chỉ có Tịnh Độ tông không có.

Tổ sư của Tịnh Độ tông là do dân chọn, người thầy viên tịch, hậu nhân công nhận, họ có thể xưng là nhất đại tổ sư, nên đều không phải lúc sống. Sau khi chết mọi người mới tôn sùng, họ là đời tổ sư thứ mấy. Thế nên tổ sư của Tịnh tông là dân chọn, không phải truyền thừa từ đời này đến đời khác, không phải như vậy mà là do dân chọn. Là sau khi vãng sanh rồi người đời sau chọn, không phải ngay lúc đó.

Đời thứ hai tức là triều đại nhà Đường, quý vị xem từ Đông Tấn đến triều đại nhà Đường khoảng trong thời gian này không có người thứ hai, mọi người không chọn nữa. Triều đại nhà Đường lại xuất hiện một người, đó là Thiện Đạo, ngôn hạnh giáo huấn, những lời dạy, những gì đã truyền của ông hoàn toàn tương ứng với Vô Lượng Thọ kinh, A Di Đà kinh, hoặc Quán kinh, mọi người đều nói đây là tổ sư một đời. Quý vị thấy tổ sư của mỗi tông phái đều truyền đến mấy chục đời, đều là 5- 6 mươi đời. Tịnh Độ tông mới 13 đời, tức là 13 vị.

Cuối cùng là năm Dân Quốc, mọi người công nhận đại sư Ấn Quang là vị tổ thứ 13 của Tịnh Độ tông. Những vị tổ sư này khẳng định thượng bối vãng sanh. Cùng như cư sĩ Duy Ma Cật lúc Phật còn tại thế,

“Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ”, ở trước kinh này nói, 16 vị chánh sĩ Bồ tát này đều là tại gia. “Nhất thiết sào tố danh đức chi vãng sanh giả, khả liệt tri hĩ”, chúng ta có thể tưởng tượng họ đều là thượng bối vãng sanh.

Dưới đây giới thiệu, “Tân đại Lưu Di Dân, dữ Lô sơn Viễn công đồng hội niệm Phật giả dã. Vãng sanh tại Viễn công tiên”, ông ta vãng sanh trước Huệ Viễn đại sư. “Viễn công lâm chung, phương tòng định khởi. kiến A Di Đà Phật, thân mãn hư không. viên quang chi trung, hữu chư hóa Phật. Quan Âm Thế Chí, tả hữu thị lập”. Khi đại sư Huệ Viễn vãng sanh, Lưu Di Dân theo Phật đến nghinh đón, trong Liên Xã những người vãng sanh trước đều theo Phật đến. Sự ghi chép này tuyệt đối không phải là giả, tuyệt đối không phải lừa dối người, quý vị thấy khi đại sư Huệ Viễn vãng sanh, mới từ trong định dậy, đang nhập định, trong định xuất định thấy thân Phật A Di Đà đầy khắp hư không, đây là thật. Trong ánh hào quang có chư vị hóa Phật, Quan Âm Thế Chí đứng hầu hai bên, đây là thấy được tượng Phật.

Tôi đã thấy một lần, không phải ở trong định, mà là trong mơ. Năm 79 tuổi tôi bị một cơn bệnh, cơn bệnh đó làm tôi sắp vãng sanh, nhưng không đi được. Quả thực thấy được thân tướng Phật A Di Đà đầy khắp hư không, tướng rất lớn. Tôi nhìn thấy

Phật Thích ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật Tỳ Lô Giá Na. Bởi vì tôi giảng Hoa Nghiêm kinh, giảng Hoa Nghiêm kinh nên tôi đến lễ lạy, lạy thứ nhất là lạy Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni Phật, lạy thứ hai là lạy Phật A Di Đà, lạy thứ ba là lạy Phật Tỳ Lô Giá Na. Lạy thành thói quen, cho nên khi đó thấy được ba vị Phật đều là thân mãn hư không. Cuối cùng trong tâm tôi liền niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, thì tượng Phật không còn nữa, mà Bồ Tát Quán Thế Âm hiện ra, cũng là thân mãn hư không.

Tôi chỉ chú ý xem tượng Phật Bồ Tát, ở sau lưng tôi có người hỏi tôi, họ hỏi thì tôi trả lời, tôi không quay đầu lại, không biết người đó là ai? họ hỏi tôi rất nhiều, tôi thật sự muốn vắng sanh, đi theo Phật. Lúc đó nhớ đến khi mới học Phật, đại sư Chương Gia nói với tôi: Cuộc đời của tôi là do Phật Bồ Tát sắp đặt. Cho nên tôi đáp rằng, nếu như Phật Bồ Tát còn muốn tôi sống thêm vài năm, cũng không sao, như vậy rồi tỉnh lại.

Giấc mơ này không phải là giấc mơ bình thường, nó quá chân thật. Tôi thấy ở giữa cánh đồng rộng mênh mông, tôi nằm trên bãi cỏ nhìn những giải núi trùng trùng điệp điệp trước mặt, rất giống từng tầng từng tầng Thương sơn ở Vân Nam, nhưng không có biển, trước Thương sơn có hồ Nhĩ Hải, không nhìn thấy biển, trước mặt là thảo nguyên vô cùng vô cùng rộng lớn, tôi nhìn thấy hiện tượng này. Đây là thấy Phật, khi vắng sanh thấy được Phật A Di Đà.

“Hựu kiến thủy lưu quan minh, phân thập tứ chi, hồi chú thượng hạ, diễn thuyết khổ, không, vô thường, vô ngã chi âm”. Đây là ao sen thất bảo, nước của nó chảy ngược lên trên, chảy xuống dưới; nước ở thế gian chúng ta chỉ chảy xuống dưới, không thể chảy ngược lên trên. Nước ở thế giới Cực Lạc trên dưới đều chảy được, khi nước chảy phát ra âm thanh, âm thanh này quý vị lắng nghe chúng nó đều đang giảng kinh thuyết pháp, giảng vô thường, khổ, không, vô ngã.

“Phật cáo Viễn viết”, Phật A Di Đà bảo đại sư Huệ Viễn rằng: “ngã dĩ bốn nguyện lực cố, lai an ủi nhữ, như hậu thất nhật, đương sanh ngã quốc”. Quý vị xem, trước 7 ngày, Phật đến bảo với ông, sau 7 ngày thì đến tiếp dẫn. “Hựu kiến xã trung tiên hóa giả”, trong Liên Xã người vắng sanh trước, có “Phật Đà Da Xá”, đây là một người xuất gia ở Ấn Độ, cũng tham gia Liên Xã này. Có những người xuất gia “Huệ Trì, Huệ Vĩnh”, cư sĩ tại gia Lưu Di Dân” vân vân ở sau không nói đến. “Giai tại trắc”, đều ở bên cạnh Phật, theo Phật đến tiếp dẫn.

“Tiền áp viết”, những người vắng sanh ở Liên Xã, thấy đại sư Huệ Viễn, đều đến đánh lễ, đều đến vái chào, họ nói “sur tảo phát tâm, hà lai chi vãn”. Đại sư Huệ Viễn triệu tập mọi người đến tu hành, phát tâm rất sớm, tại sao Ngài lại đến thế giới Cực Lạc muộn như vậy? họ đều đã đi trước, theo Phật A Di Đà đến tiếp dẫn.

Lưu Di Dân lúc còn sống đã ba lần thấy Phật, sau đó lại theo Phật đến đón ngài Huệ Viễn, đúng là cư sĩ được thượng phẩm vãng sanh, những người này đều có thể làm ví dụ chứng minh. Đây là thật không phải giả, cư sĩ tại gia có thể thượng phẩm vãng sanh, đại sư Thiện Đạo nói lời này là thật, không phải giả: Thế giới Tây phương tam cõi cửu phẩm, hoàn toàn là vì phạm phu lục đạo mà thiết lập.

Phạm phu lục đạo thường do gặp duyên bất đồng, gặp phải đại phạm phu, tức là thượng phẩm thượng sanh, thượng cõi vãng sanh. Tiểu phạm phu, đó chính là trung cõi vãng sanh. Ác phạm phu, là hạ cõi vãng sanh. Nhưng chúng sanh hạ cõi vãng sanh đều là tạo tác tội nghiệp. Cho nên tạo tác tội nghiệp cũng không sợ, cũng có thể vãng sanh Tịnh Độ. Tạo tác tội nghiệp gì? là tội cực trọng ngũ nghịch thập ác, thì đọa vào địa ngục A Tỳ. Nếu quý vị gặp được thiện duyên, lâm mạng chung thời gặp được người khuyên quý vị niệm Phật cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị nghe rồi tin tưởng, quý vị thực hành, buông bỏ vạ duyên, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, thì chắc chắn được vãng sanh. Pháp môn này vô cùng thù thắng, pháp môn này không dễ gặp.

Quý vị thấy bây giờ toàn thế giới có gần 7 tỷ người, trong 7 tỷ người này có bao nhiêu người gặp được Phật pháp? tôi muốn nói được nghe đến Phật, biết có Phật, khoảng chừng 1/7 thôi, có khoảng 1 tỷ người. 7 tỷ người chỉ có 1 tỷ người, 1/7, 1/7 người này nghe được, biết được có Phật pháp. Nhưng thật sự tiếp xúc với Phật pháp, có thể là 1/10, 1 tỷ người biến thành 100 triệu người, thật sự tiếp xúc được Phật pháp. Tiếp xúc được Phật pháp, nhưng Phật pháp có thật có giả, nếu tiếp xúc Phật pháp giả, thì không khởi tác dụng. Gặp được Phật pháp thật, có thể trong 10 người chỉ có một người thôi, quý vị sẽ giảm dần dần, 1 tỷ người biến thành 100 triệu người, 1/10. 1/10 này là 1 trăm triệu người, nếu như gặp được Tịnh Độ, có thể lại là 1/10, vậy thì còn lại 10 triệu người. Trong 10 triệu người, có thể gặp được bộ kinh này, bản Hội Tập này, gặp được chú giải của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, e rằng không đến 100 người, vậy quý vị mới biết rằng pháp môn này đáng quý chừng nào.

Bởi vì bản Hội Tập này mới xuất hiện gần đây, mới xuất hiện năm Dân Quốc đầu tiên. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải thì càng gần đây hơn, quyển này ra đời khoảng hơn 20 năm chưa đến 30 năm. Khi chúng tôi ở Mỹ liên lạc, thì quyển này mới viết ra. Quyển này mang đến nước Mỹ là in bằng in dầu, loại giấy sếp này là để đánh chữ, in bằng in dầu. Điều này chúng tôi có kinh nghiệm, chúng tôi đã trải qua thời đại này, một tờ giấy sếp có thể in bao nhiêu trang? Đại khái có thể in từ 120-130 trang, sau nữa thì không rõ, thì nhạt rồi. In được rõ ràng khoảng chừng 120 trang.

Nói cách khác, ông ta lưu thông chỉ có 120 bộ. Ông ta mang một bộ đến nước Mỹ, chắc là chọn bộ rõ ràng nhất, mang đến Mỹ tặng cho tôi. Tôi xem xong vô cùng hoan hỷ, chăm chỉ xem qua một lần rồi để học trò liên hệ với ông ta, thỉnh giáo ông có

bản quyền hay không? nếu không có bản quyền thì tôi in, nếu cần có bản quyền, thì thôi.

Ông ta hồi âm thư bảo tôi, sách không có bản quyền, hoan nghênh tái bản. Cho nên chúng tôi ở Đài Loan in lần thứ nhất, lần thứ nhất 1 vạn quyển bìa cứng. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ muốn tôi viết lời tựa cho ông, phía trước chèn vào ảnh chụp chung của chúng tôi, vô cùng hoan hỷ, 1 vạn quyển này lưu thông tại hải ngoại. Hiện tại bản Hội Tập và chú giải này, tôi dự tính lưu thông tại thế gian này, có thể đã hơn 50 vạn quyển, ít nhất cũng có 50 vạn quyển lưu thông trên toàn thế giới, vô cùng hy hữu khó gặp.

Chúng ta tiếp tục xem đoạn dưới đây: “Hoa Nghiêm trung, Thiện Tài tham ngũ thập tam thiện tri thức, tại gia nhân thật cư đa số”. Thật vậy, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, người xuất gia chỉ có 6 vị, các người khác đều là tại gia, nam nữ già trẻ các ngành các nghề. 53 vị thiện tri thức là biểu trưng cho các tầng lớp trong xã hội, nghề nghiệp của mỗi người không giống nhau, cho nên nam nữ già trẻ các ngành các nghề đều có. Họ biểu trưng cho điều gì? Biểu trưng cho chúng ta từ sáng đến tối, từ khi ngủ dậy đến trước khi đi ngủ, quý vị tiếp xúc với xã hội rộng lớn tức là 53 tham.

Tham học không dễ, Thiện Tài là đệ tử của Bồ Tát Văn Thù. Trong hội Bồ Tát Văn Thù đạt được căn bản trí, thông thường chúng ta nói là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong hội Văn Thù được khai ngộ, sau khi ngộ rồi khởi tu. Trước khi khai ngộ không được rời thầy, khai ngộ rồi thì thầy bảo quý vị ra đi, đi khắp nơi tham học. Điều gì quý vị cũng có thể xem, điều gì cũng có thể nghe, điều gì cũng có thể tiếp xúc, hoàn toàn khai mở. Khi chưa khai ngộ thì chưa khai mở, phải ở bên cạnh thầy, không được rời thầy.

Căn bản trí là gì? Căn bản trí là vô tri, bát nhã vô tri, đó là minh tâm kiến tánh, là đỉnh cao của tâm thanh tịnh, nhất niệm bất sanh. Khi khởi tác dụng thì không gì không biết, bát nhã vô tri, biết hết tất cả. Vì sao bảo quý vị đi tham học? tham học gọi là hậu đắc trí, quý vị tham học thì sẽ biết không có gì là không biết. Quý vị tiếp xúc, tiếp xúc là biết được, nghe là biết được, thấy là biết được, ngài biểu hiện cho chúng ta những điều này.

Tham thứ nhất trong 53 tham, là tỳ kheo Cát Tường Vân, là người xuất gia. Trong 53 tham người xuất gia chỉ có 6 vị, ở trước 3 vị, sau có ba vị. Tỳ kheo Cát Tường Vân tu pháp môn gì? là tu Ban Châu Tam Muội, Ban Châu Tam Muội là chuyên niệm Phật A Di Đà, một kỳ 90 ngày.

Ban Châu Tam muội rất nghiêm khắc, 90 ngày không được ngủ, không được nằm, có thể ngồi, có thể đứng, có thể đi. 90 ngày đêm không được rời khỏi đạo tràng, cho nên rất vất vả, người bình thường không chịu nổi. Cần phải trẻ tuổi, tinh thần tốt,

sức khỏe tốt, mới tu được pháp môn này. Giống như chúng ta nhập thất có người hộ trì, đến giờ người ta đem thức ăn cho quý vị, quý vị chuyên niệm Phật A Di Đà. Ngài tu pháp môn này, Thiện tài Đồng Tử đến tham vấn ngài. Nói cách khác, là đến học tập ngài.

Người xưa thường nói “tiên nhập vi chủ”. Quý vị muốn hỏi Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn nào? ông ta học Ban Châu Tam Muội, học pháp môn niệm Phật. Bồ Tát, tỳ kheo Cát Tường Vân là tượng trưng Bồ Tát sơ trụ, Thiện Tài Đồng tử chứng đắc địa vị sơ trụ, mới thấy được Bồ Tát sơ trụ. Bồ Tát khai thị cho ông 21 loại pháp môn niệm Phật, con số 21 là con số viên mãn, nó không tượng trưng cho con số, mà tượng trưng cho sự đại viên mãn, là sự viên mãn của Mật tông.

Hoa Nghiêm kinh là dùng số 10, số 10 tượng trưng cho sự viên mãn, chữ số từ một đến 10 tượng trưng cho sự đại viên mãn. Trong Di Đà kinh dùng số 7 tượng trưng cho sự viên mãn, cho nên nó không phải là con số. Nếu quý vị xem nó thành con số là sai. 7 có ý nghĩa gì? là tứ phương, thượng hạ, ở giữa là viên mãn, nó có ý nghĩa này.

21 môn triển khai thì vô lượng vô biên pháp môn. Nói cách khác, chẳng có một pháp môn nào không phải là pháp môn niệm Phật. Trong Hoa Nghiêm kinh nói “một là tất cả, tất cả là một”, là đạo lý này. Mỗi pháp môn đều là pháp môn niệm Phật, cảnh giới không thể nghĩ bàn. Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, pháp môn này là chủ, pháp môn là chủ, 8 vạn 4 ngàn pháp môn đều là trợ tu, đều là trợ giúp.

Nếu là thiên tông, thì thiên tông này là chủ, tham thiên này là chủ, 8 vạn 4 ngàn pháp môn bao gồm pháp môn niệm Phật đều là trợ, chủ và trợ liền phân khai. Nếu như hôm nay chúng ta nghiên cứu giáo, đây cũng là một môn, nghiên cứu giáo, thì giáo là thứ nhất, niệm Phật, thiên đều là trợ tu. Một cái chủ, những thứ khác đều là bạn, đều là trợ tu, bình đẳng!

Trong kinh Kim Cang nói rất hay “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, cho nên bất luận pháp môn nào chúng ta cũng phải cung kính, cũng phải tôn trọng. Các pháp môn khác với pháp môn mình học quyết định là nhất thể, quý vị mới có thể khéo nhập được. Nếu quý vị phân biệt cái này cao, cái kia thấp thì không được rồi, thì quý vị không học được gì cả. Không những không học được, mà quý vị còn tạo tội nghiệp, tạo tội nghiệp gì? là báng Phật, báng pháp, báng tăng. Quý vị phê bình tức là hủy báng, nếu quý vị hủy báng Tam Bảo, trong Giới Kinh nói là đọa địa ngục Vô Gián, rất phiền phức.

Thiện Tài 53 tham là tượng trưng vô lượng vô biên pháp môn, mỗi pháp môn đều cung kính, mỗi pháp môn đều tán thán, mỗi pháp môn đều buông bỏ, ông ta rời khỏi, cáo từ, đó là buông bỏ. Mỗi pháp môn đều không được chấp trước. Hết thầy pháp môn không có phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm,

thì quý vị đã đạt được hoàn toàn rồi, thật sự không thể nghĩ bàn. Cho nên tượng trưng của 53 tham, là tượng trưng cho đại viên mãn. Quý vị xem, cuối cùng biểu hiện rất có ý nghĩa, thứ 53 là Bồ Tát Phổ Hiền. Thiện Tài đi tham vấn, Bồ Tát Phổ Hiền nói cho ông Thập Đại Nguyên Vương Đạo Quy Cực Lạc, ý nghĩa này tượng trưng rất rõ ràng. Người đầu tiên tham vấn pháp môn niệm Phật là tỳ kheo Cát Tường Vân, người sau cùng dẫn ông đến thế giới Cực Lạc.

Tôi đọc Hoa Nghiêm kinh, nhìn thấy điều này, mới tin tưởng Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Không những chỉ mình đi, mà còn dẫn theo 41 vị pháp thân đại sĩ trong hải hội Hoa Tạng, tất cả đều đến thế giới Cực Lạc. Để lễ bái Phật A Di Đà, học tập Phật A Di Đà, nhìn thấy không khí này, quá vĩ đại, không thể không phục. Hải hội Hoa Tạng là tổng pháp môn của hết thảy chư Phật, cuối cùng quy về Tịnh Độ, là biểu trưng ý nghĩa này.

Tịnh Tông là pháp môn đệ nhất. Vô Lượng Thọ kinh là kinh đệ nhất. Thời kỳ mật pháp tu các pháp môn khác không thành tựu được, nếu không tin quý vị thử xem, quý vị có thể làm được vô ngã không? trong kinh Kim Cang nói rất đúng, “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, quý vị làm được không? Quý vị không làm được thì quý vị không vào được pháp môn nào cả. Quý vị thật sự làm được, quý vị mới có thể nhập môn.

Tiểu thừa chúng Tu Đà Hoàn, đại thừa viên giáo là Bồ Tát sơ tín vị, quý vị đã nhập môn, thế nên rất khó! Đây là nói rõ đa số là người tại gia, người xuất gia chỉ là thiểu số, Phật pháp lấy việc độ người tại gia làm chủ, không phải người xuất gia. Như trường học thế gian của chúng ta, thân phận của người xuất gia là gì? là thân phận giáo sư, giáo sư dạy học. Trường học nào bồi dưỡng giáo sư? Là đại học sư phạm bồi dưỡng giáo sư, chuyên môn đào tạo giáo sư. Những giáo sư đã tốt nghiệp, được phân ở tất cả các trường học để giáo hóa chúng sanh.

Giáo dục nhất định phải lấy quần chúng xã hội làm đối tượng giáo hóa, Tịnh tông cũng như vậy, lấy lực đạo chúng sanh khổ nạn trong biển pháp giới hư không giới làm đối tượng giáo hóa. Cho nên Bồ Tát, Thanh Văn là phụ thuộc, nhưng họ muốn phát tâm cầu sanh Tây phương Cực Lạc thế giới, thân cận Phật A Di Đà, Phật A Di Đà hoan nghênh, không cự tuyệt, đều hoan nghênh tất cả. Cho nên hải hội Liên Trì vô cùng trang nghiêm, vô cùng thù thắng.

“Mật tông trung Cát Cư phái tổ sư vi cư sĩ, nhân tổ sư thị bạch y, cố tục xưng Bạch giáo”. Bởi vì ông ta không phải là người xuất gia, ông ta là cư sĩ tại gia, nhưng ông ta là tổ sư. “Duy Ma cư sĩ nãi kim túc Như Lai thị hiện”, cũng là cư sĩ tại gia. “Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ quân thị tại gia Bồ Tát”, nhưng là tại gia chứng đắc bồ Tát đẳng giác, địa vị của họ cùng với Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền ngang nhau. Mười sáu người này, là chúng Bồ Tát thượng thủ trong kinh này. Ý nghĩa



tượng trưng này, chúng ta nhất định phải hiểu, Tịnh Độ tông khẳng định lấy tại gia làm chủ. Cho nên những Bồ Tát tại gia này là Bồ Tát đẳng giác, đều là chúng Bồ Tát thượng thủ trong kinh này. Thế nên không vì tướng xuất gia hay tại gia mà sanh phân biệt.

Phật ở trong kinh luận thường nói về xuất gia, xuất có bốn loại, gia cũng có bốn loại, bốn loại này chúng ta phải hiểu rõ. Bốn loại nhà, loại thứ nhất gọi là “điền Trạch chi gia”, tức hôm nay chúng ta nói là nhà thế tục. Quý vị có ruộng đất, quý vị có nhà cửa, đây là nhà của quý vị, đây là nhà của thế gian. Nhà mà Đức Phật nói còn có ý nghĩa rất quan trọng. Loại thứ hai là gì? lục đạo là nhà, luân hồi là nhà, nhà cửa ruộng vườn là việc nhỏ, nhà luân hồi là việc lớn. Cao lên nữa, sanh tử là nhà, phiền não là nhà, Phật đã nói bốn loại này.

Quý vị có thể ra khỏi nhà phiền não, có thể ra khỏi nhà sanh tử, có thể ra khỏi nhà lục đạo, thì quý vị thật sự ra khỏi nhà rồi. Bây giờ quý vị chỉ ra khỏi nhà cửa ruộng vườn, quý vị không thể đoạn phiền não, không thể thoát sanh tử, không thể ra khỏi tam giới, vẫn còn ở trong luân hồi lục đạo chưa ra khỏi được.

Nhà có bốn loại, Phàm phu chỉ biết ra khỏi nhà thế tục, nhưng không ra khỏi lục đạo. Tiểu thừa có thể ra khỏi nhà kiến tư phiền não, chứng quả A La hán, ra khỏi lục đạo. Sanh tử có hai loại, họ đã ra khỏi phân đoạn sanh tử, nhưng chưa ra khỏi biến dị sanh tử, họ vẫn còn. Biến dị sanh tử trong thập pháp giới, thập pháp giới đó là nhà. Phải phá được nhất phẩm vô minh, chứng được một phần pháp thân, vậy là ra khỏi nhà thập pháp giới. Đến cõi thật báo, biến dị sanh tử không còn, quý vị mới thật sự ra khỏi nhà sanh tử.

Xuất cũng có bốn loại. Loại thứ nhất, thân xuất nhưng tâm không xuất, thân đã xuất rồi, trong tâm vẫn còn tham luyến, lấy gì? lấy đạo tràng làm nhà của mình, đã ra khỏi ngôi nhà nhỏ rồi, bây giờ lại chấp vào nhà lớn, đây là thân xuất nhưng tâm chưa xuất. Loại thứ hai, tâm xuất thân không xuất, tức là nhà cư sĩ, tâm xuất gia rồi, thân còn tại gia. Loại thứ ba, thân tâm đều xuất, tức là các bậc tổ sư của chúng ta, Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta là thân tâm đều xuất. Loại thứ tư là người tại gia, thân tâm đều không xuất, đây là chỉ cho điều gì? là người tại gia học Phật, tâm cũng không xuất, thân cũng không xuất, họ tu điều gì? nhiều nhất là tu được chút phước báo, không thể vãng sanh; vãng sanh phải như thế nào? tâm xuất thân không xuất, chắc chắn được vãng sanh. Cho nên xuất có bốn loại, gia cũng có bốn loại.

Ở đây đưa ra phần tựa trong kinh này “Hiền Hộ đẳng thập lục chánh sĩ”, đều là Bồ Tát tại gia, làm thượng thủ tượng trưng của kinh này, cho nên chúng ta không thể, từ trên tướng xuất gia và tại gia mà sanh phân biệt. Giống như đại sư Chương Gia trước đây nói với tôi, “Phật pháp quan trọng vật chất, không quan trọng hình thức”, không được phân biệt trên hình thức, quan trọng là thực chất.

“Bổn kinh vị thượng bồi giả, xuất gia khí tục”. Chúng ta biết rằng, xuất gia là tâm xuất gia, tâm xuất thân bất xuất, phu nhân Vi Đề Hi là tâm xuất gia. Thượng phẩm trong Quán Kinh không nói đến xuất gia, phu nhân Vi Đề Hy là nữ nhân tại gia, chứng thượng phẩm vãng sanh. 500 thượng phẩm cũng chứng thượng phẩm thượng sanh. Trong thượng bồi có tam phẩm, thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, thượng phẩm hạ sanh.

Hai kinh không trái nhau, đều là phu nhân Vi Đề Hy là tâm xuất gia, ví dụ phía nam nước tôi lấy gạo làm thức ăn chính, phương bắc lại lấy bột mì làm món ăn chính. Gạo và bột mì tuy khác nhau, nhưng công năng tác dụng đều là món ăn chính giống nhau. Dùng điều này để ví dụ cho người tại gia, xuất gia. Nên thượng phẩm thượng sanh, tâm xuất gia nhưng người tại gia cũng được. đây chính là cư sĩ tại gia có thể nâng lên đến thượng phẩm thượng sanh hay không? có thể. Người xuất gia cần phải thân tâm đều xuất mới có thể thượng phẩm thượng sanh; người tại gia là tâm xuất thân bất xuất, lấy tâm làm chủ, nếu tâm thật sự xuất gia, thì đây là thượng phẩm thượng sanh.

Lại nữa như trung phẩm, trung trung phẩm trong Quán Kinh là người xuất gia. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, người tại gia cũng có thể, hai kinh hợp lại, nói rõ được ý nghĩa chân thật. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, trung phẩm, trung trung phẩm, hai phẩm này ông nói đến trì giới, trì giới sa di, trì giới tỳ kheo, đây là người xuất gia. Cho nên tam bồi cửu phẩm hợp lại xem, trong mỗi phẩm vị đều có người xuất gia, đều có người tại gia. Rốt cuộc là người xuất gia nhiều hay người tại gia nhiều? điều đó phải nhìn ở tâm, hoàn toàn ở nơi tâm không quan tâm đến thân. Thân xuất gia hay không xuất gia thực sự không có vấn đề gì, quan trọng nhất là tâm xuất gia, thân và tâm đều xuất gia là làm tấm gương tốt cho xã hội, làm một pháp biểu tượng, dụng ý là ở chỗ này. Vì sao? người thông thường thì thân này và nhà không dễ buông bỏ, quý vị phải làm được, để cho họ luôn nhìn thấy: quý vị nhìn họ đã buông bỏ rồi, tôi vì sao không buông bỏ được? dụng ý là ở chỗ này, không gì khác.

Đây là trong Hoàn Nguyên Quán nói tứ đức, đức thứ hai là làm gương tốt cho xã hội đại chúng, gọi là “oai nghi hữu tác”. Oai nghi của chúng ta như vậy có thì thể nhắc nhở được một số đại chúng. Quý vị nói tại gia khó khăn hơn, không phải không được, được, cũng được. Nhưng người xuất gia thì rất rõ ràng, quý vị đi ra ngoài, mọi người nhìn thấy, họ sẽ nhớ đến Phật, nhớ đến Phật giáo tức là nhớ đến Phật, trong A lại da thức chẳng phải đã trồng một hạt giống Phật rồi chăng? không cần nói gì, chỉ nhìn thấy hình thức, thì cũng khiến cho chúng sanh trồng thiện căn này.

Tại gia thì sao? tại gia thì đeo một tràng hạt, để mọi người nhìn thấy, cầm một tràng hạt, người này là học Phật. Đây là gì? hữu ý hay vô ý mọi nơi đều tiếp dẫn chúng sanh, cho chúng sanh trồng một hạt giống kim cang. Chúng từ này, tuy trong

đời này họ không đạt được lợi ích, nhưng kiếp sau lại gặp được Phật pháp, thì chúng tử này liền khởi hiện hành, nó sẽ khởi tác dụng.

Hôm nay chúng ta gặp được Phật pháp, khởi tác dụng, chịu phát tâm học Phật, nguyên nhân là gì? bởi trong kiếp quá khứ của chúng ta có người giúp chúng ta trồng hạt giống này, đời này của chúng ta khởi tác dụng. Chúng ta phải hiểu, phải báo ân, từng giờ từng phút giúp người khác làm hạt giống, để cho trong A lại da của mọi người đều có hạt giống Phật pháp, là những người xung quanh mình đều được độ. Chúng ta có thể thực hành tam phước, lục hòa, thì sức mạnh nhiếp thọ sẽ rất lớn. Điều đầu tiên, chúng ta thấy bất cứ người nào cũng nên chào hỏi, vì sao? cảm giác thân thiết, người học Phật tử bi như vậy, hài hòa như vậy, thì họ được truyền cảm.

Khi mọi người xuống xe, chúng ta nhất định cúi chào 90 độ, cảm động người, họ nhìn thấy chúng ta thì hoan hỷ. Ở ngoại quốc chúng tôi làm cảm động láng giềng, láng giềng sẽ từ từ quen biết, quen biết rồi thì chào hỏi chúng tôi, nói chuyện với chúng tôi. Câu đầu tiên hỏi chúng tôi là: Quý vị làm nghề gì? quý vị làm nghề gì, sao quý vị an vui như vậy? họ rất hâm mộ, công việc của họ rất mệt, rất khổ! Họ nhìn thấy chúng tôi suốt ngày nở nụ cười. Quý vị thật an vui, quý vị làm nghề gì? chúng ta có thể dạy họ, chúng tôi là người học Phật. Như thế nào gọi là học Phật? học Phật là học trí huệ, học giác ngộ, từ từ họ sẽ hiểu.

Chúng ta có thể hỏi họ, quý vị có cần phước báo không? nói phước báo họ nghe không hiểu, quý vị có cần của cải không? cần. Quý vị có cần an vui không? cần. Quý vị có cần sống lâu không? cần. Chúng tôi chính là học những điều này, chúng tôi đã đạt được rồi. Họ nhất định hỏi: Phương pháp nào mà quý vị đạt được? chúng ta từng bước từng bước hướng dẫn họ.

Lời nói của chúng ta là thật, không lừa dối họ, xác thực thế giới Cực Lạc rất an vui. Tu Tịnh Độ là tu điều gì? là tu phước, tu của cải, tu an lạc, tu sức khỏe sống lâu. Không nên dùng danh từ Phật học, dùng danh từ Phật học họ không hiểu, nói như vậy họ rất dễ hiểu. Như thế nào để được của cải? là bố thí, bố thí của cải được của cải, càng cho càng nhiều. Bố thí pháp được an vui, càng cho càng vui. Bố thí vô úy được sức khỏe sống lâu. Chỉ cần quý vị tu ba loại bố thí này, thì ba loại quả báo sẽ đến rất nhanh, là thật không phải giả, dám làm, người dám làm, lập tức có phước báo.

Các nhà xí nghiệp đều thích phát tài, lên đại học học học viện thương nghiệp cũng không phát tài nổi, vì sao? bởi những giáo viên của học viện thương nghiệp đều là những giáo viên nghèo, thu nhập rất có hạn, bản thân họ không thể phát tài, làm sao họ dạy quý vị phát tài được? làm gì có chuyện này?

Khi tôi ở Úc, có một lần, cao ốc học viện thương nghiệp của đại học Cách Lý Phi Tư đã xây xong, làm lễ đưa vào sử dụng. Thầy hiệu trưởng mời tôi đến tham dự, tôi

ngồi cùng với hai người. Họ mời một học giả chuyên gia người Mỹ, chuyên môn nghiên cứu tài chính, dạy tài chính, học vị tiến sĩ, là giáo thọ rất nổi tiếng đến diễn giảng. Tôi nói với thầy hiệu trưởng: những điều ông ta nói là giả. Thầy hiệu trưởng trở mặt nói: sao gọi là giả? “ông ta là một giáo thọ nghèo, ông ta không phát tài, nếu ông ta có thể dạy người phát tài, thì ông ta là phú ông ức vạn mới đúng chứ. Mỗi ngày ông ta phải dựa vào đồng lương để sống, ông ta không phát tài, tôi không tin ông ta”, thầy hiệu trưởng ngăn người ra. Tôi nói: “tôi hiểu được đạo lý phát tài, tôi thật sự phát tài, thầy xem mỗi năm tôi bố thí làm những việc thiện ít nhất cũng 1 ngàn vạn Mỹ kim, năm nào cũng như vậy, ông ta không bằng tôi, tôi biết dạy, ông ta không biết dạy”.

Thầy hiệu trưởng là bạn thân của tôi, xác thực đây cũng là cơ hội để tôi giáo dục. Phát tài như thế nào? tài là do bố thí phát. Ông ta không hiểu nguyên nhân phát tài, phải dùng các loại thủ đoạn, đó là trong số mệnh của quý vị có của cải. Nếu trong số mệnh của quý vị không có của cải, thì quý vị dùng thủ đoạn gì cũng không đạt được, quý vị cũng không thể phát tài được. Người Trung Quốc biết đoán số, người ngoại quốc cũng biết, số mệnh của quý vị có của cải hay không. Cho nên Phật pháp giảng đạo lý phát tài, phương pháp phát tài cho chúng ta, nói rất rõ ràng, rất có hiệu nghiệm.

Trong Quán Kinh, trung thượng phẩm, trung trung phẩm là người xuất gia, Vô Lượng Thọ kinh là người tại gia, đây là Hoàng Niệm Tổ để chúng ta hợp hai kinh lại để tham khảo. “Thị cố ưng thiện thể thánh tâm”, đây là Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà nói với chúng ta, quý vị phải hiểu nó, hiểu ý nghĩa chân thật của nó. “Thiết mạc tử chấp văn cú”, không nên chấp trước, đọc kinh không nên chấp trước vào văn cú, nghe kinh không nên chấp trước ngôn thuyết.

“Xã gia khí tục, ưng trước trọng ư tâm xuất gia”, bất luận tại gia hay xuất gia, nhưng tâm nhất định là xuất gia. Nên hai bộ kinh này cùng một tông chỉ, những gì trong hai bộ kinh này nói, quý vị có thể viên dung, quý vị không sản sanh mâu thuẫn. Quý vị sẽ có tính tâm kiên định, không đến nỗi sản sanh nghi hoặc, đây là đúng. Cho nên nói rất nhiều đến “xã gia khí tục”, chủ yếu là sợ quý vị xem nhiều kinh, kiến giải bất đồng sẽ sanh ra hiểu lầm. Phật chỉ nói một ý nghĩa, nhất định phải hiểu ý nghĩa của Ngài. Kệ khai kinh nói “nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai”, câu kệ này rất quan trọng, không được hiểu sai ý nghĩa. Thời gian đã hết, chúng ta học tập đến đây.

**Hết tập 394**